

Số: 17/QĐ-TTGD

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi
ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính,

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-SXD ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Hành chánh- Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Hành chánh - Quản trị; Phụ trách kế toán và các Phòng thuộc Trung tâm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Lưu: VT, KT.



GIÁM ĐỐC

Trần Kim Phương



Đơn vị: Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng

Chương: 419

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ
(6THÁNG/CẢ NĂM)**

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-TTGD ngày 05/7/2023 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội Dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4,500	1,500	4,500	1,780
1	Số thu phí, lệ phí	4,500	1,500	4,500	1,780
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	4,500	1,500	4,500	1,780
	Hoạt động SXKD, dịch vụ	4,500	1,500	4,500	1,780
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4,500	1,500	4,500	2,014
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

3	nghe				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	4,500	1,500	4,500	2,014
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4,500	1,500	4,500	2,014
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				